

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA



Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC THANH HÓA  
DN: C=VN, S=THANH HÓA, L=Đông Vệ,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC  
THANH HÓA,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
2800219549  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2018-04-19 13:35:22

# HAWACO

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



# MỤC LỤC



- 1. Thông tin chung**
- 2. Tình hình hoạt động của năm**
- 3. Báo cáo tài chính**



The background is a vibrant blue with a marbled, wavy pattern. The text 'THÔNG TIN CHUNG' is centered in white, bold, uppercase letters. To the left of the text, there are two vertical white lines of varying lengths. A horizontal white line extends from the left side of the text across the page.

# THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Các thành tích đạt được
- Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Thanh Hoá, ngày tháng năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA NĂM 2017**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa
- Tên viết tắt: THAWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800219549
- Vốn điều lệ: 329.954.110.000 đồng
- Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn - Phường Đông vệ - Thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại: 02373 852 966; FAX: 02373 856 648
- Email: cnth@capnuocth.vn
- Địa chỉ trang điện tử <http://capnuocth.vn>
- Mã chứng khoán: THN
- Mã ISIN: VN000000THN2

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Tiền thân là Nhà máy lọc nước Thanh Hóa, do chính quyền thuộc Pháp quản lý. 1954

1931-1985

Nhà máy nước Thanh Hóa được đổi tên thành Công ty cấp thoát nước Thanh Hóa theo QĐ 1690/QĐ-TC-UBTH, ngày 27/12/1986

1986-2005

Công ty chuyên đổi mô hình từ Công ty cấp thoát nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa theo QĐ 2039/QĐ-CT-UBTH

2006-27/05/2016

Thực hiện QĐ 4753/QĐ-UBND Công ty chuyên đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mô hình Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa

28/05/2016-Nay



Công ty cấp nước Thanh Hóa tiền thân là Nhà máy nước lọc Thanh Hóa, được thành lập ngày 01 tháng 7 năm 1931, trong suốt 86 năm xây dựng và phát triển, công ty đã nhiều lần thay đổi tên gọi và mô hình tổ chức; qui mô và năng lực sản xuất không ngừng lớn mạnh. Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa sang công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa tại Quyết định số 4753/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hóa. Từ đây công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mô hình công ty cổ phần, trách nhiệm và quyền hạn của Công ty được rõ ràng hơn, phạm vi quản lý hoạt động cấp nước của Công ty không dừng lại ở địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn mà mở rộng ra các đô thị, các khu công nghiệp và một số huyện thị trên địa bàn trong tỉnh.

- Thời điểm niêm yết cổ phần : Đã được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 07/01/2017.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là quản lý và sản xuất kinh doanh nước sạch trong phạm vi toàn tỉnh. Các chức năng hành nghề sản xuất kinh doanh khác như: Đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay; Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ; kinh doanh dịch vụ khách sạn và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

- Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của công ty chiếm trên 80% tổng doanh thu gồm có: Địa bàn Thành phố Thanh Hóa; Thành phố Sầm Sơn, Thị xã Bim Sơn và các đô thị huyện lỵ thuộc tỉnh Thanh Hóa.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Gồm Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý, gồm:

+ Hội đồng quản trị;

+ Ban Kiểm soát;

+ Ban Tổng Giám đốc;

+ Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;

- Các công ty con: Không có



## THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty.

### **Ban kiểm soát**

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

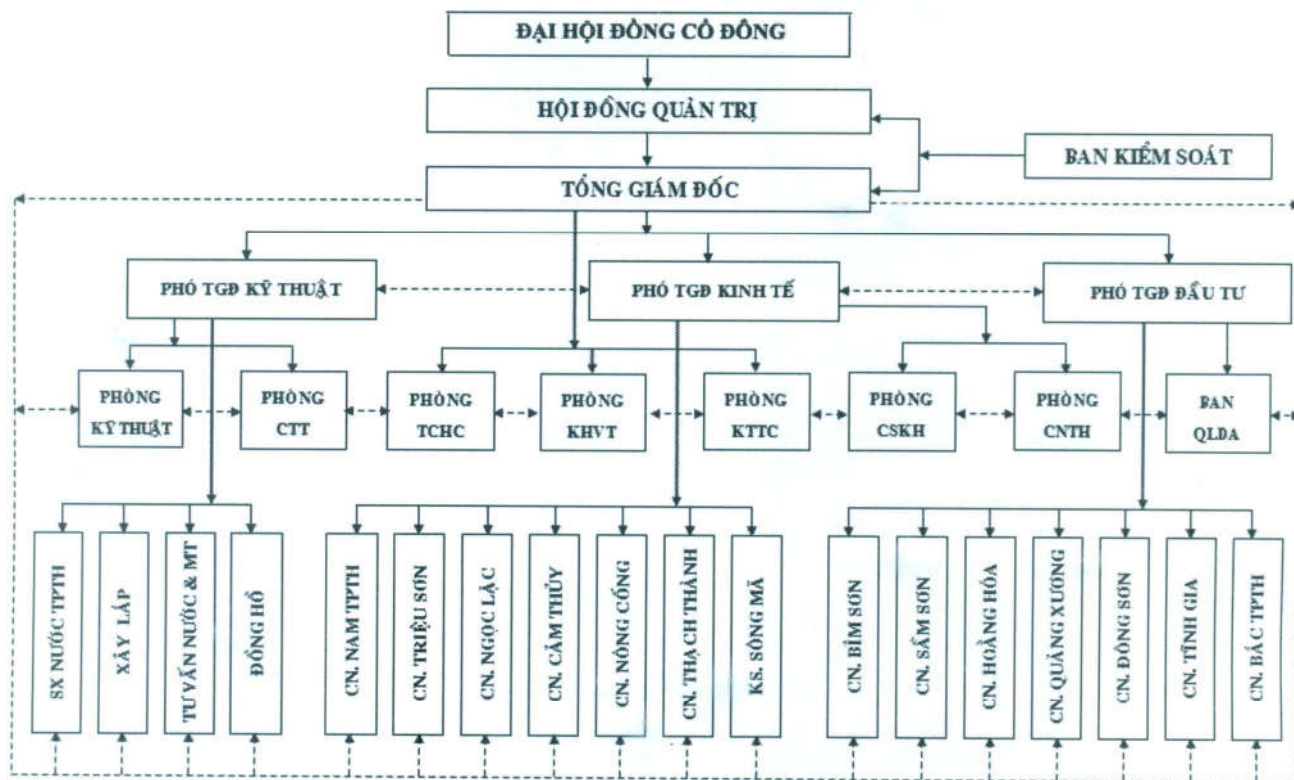
### **Ban Tổng giám đốc**

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HOÁ



## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty**

- Công ty phấn đấu là doanh nghiệp đứng đầu ngành của tỉnh Thanh Hóa trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch.

- Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với mục tiêu phát triển của cán bộ công nhân viên.

### **5.2. Các mục tiêu phát triển trung và dài hạn:**

#### **a) Mục tiêu chính trong thực hiện công tác cấp nước:**

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của công ty sau khi cổ phần hóa.

- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

#### **b) Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

### **5.3. Chiến lược phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Đến năm 2020 với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa



dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển Kinh tế - Xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 20%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

## **6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty**

### *a) Rủi ro về kinh tế:*

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

### *b). Rủi ro về luật pháp:*

Trong hoạt động Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa có thể gặp một số rủi ro sau:



Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực.

*c). Rủi ro đặc thù:*

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực KD nước sạch phụ thuộc vào sự biến đổi của khí hậu và môi trường; công ty không thể chủ động về nguồn nước thô, điện sản xuất và lợi nhuận định mức theo quy định của Thông tư 75/2012 liên bộ là 5% giá thành.

*d). Rủi ro của đợt chào bán:*

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhằm mục đích bán một phần vốn Nhà nước, trở thành Công ty cổ phần, hoạt động sao cho có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán chưa có dấu hiệu phục hồi. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn để thu hút sự tham gia, quan tâm của các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó do giá bán nước sinh hoạt do UBND tỉnh quy định, giá đầu vào lại theo giá thị trường nên hiệu quả thấp. Mặt khác cổ đông Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối (84%) nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

*e). Rủi ro khác:*

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động SXKD**

- *Trong hoạt động sản xuất phục vụ cấp nước:* Mức độ bao phủ dịch vụ cấp nước ngày càng mở rộng; chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Sản lượng nước hàng hóa của công ty đạt 26,195 triệu m<sup>3</sup>/25.981 triệu m<sup>3</sup> bằng 100,82% so kế hoạch tăng 7% so cùng kỳ. Doanh thu cấp nước đạt 234.479trđ/230.264trđ bằng 101,83% kế hoạch.

- *Trong hoạt động xây lắp, tư vấn và hoạt động khác:* Hoạt động xây lắp, tư vấn mặc dù gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công việc. Tuy vậy, doanh thu xây lắp, tư vấn & hoạt động khác thực hiện 70.794trđ/64.233trđ bằng 110,2% kế hoạch năm.

- *Hiệu quả hoạt động:* Tổng doanh thu đạt 305.273trđ/297.522,88trđ, bằng 102,6% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 16.999trđ/12.500trđ, bằng 136,0% kế hoạch. Như vậy,



mặc dù hoạt động xây lắp, tư vấn không thuận lợi, nhưng với nỗ lực tiết giảm chi phí, hiệu quả hoạt động SXKD thời cổ phần của công ty tương đối tích cực đáng ghi nhận.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban quản lý điều hành của Công ty gồm:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Nguyễn Ngọc Cần	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9.722.838
1	Nguyễn Huy Nam	Thành viên HĐQT	9.286.348
3	Lê Sỹ Len	Thành viên HĐQT	4.597.787
4	Dương Văn Hóa	Thành viên HĐQT	4.596.587
5	Nguyễn Huy Nhấn	Thành viên HĐQT	1.909.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		
1	Lê Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	7.700
2	Lê Văn Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	57.700
3	Nguyễn Huy Trường	Thành viên Ban kiểm soát	6.200
<b>III</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>		
1	Nguyễn Huy Nam	Tổng Giám đốc	9.286.348
2	Lê Sỹ Len	Phó Tổng Giám đốc	4.597.787
3	Dương Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc	4.596.587
4	Nguyễn Huy Nhấn	Phó Tổng Giám đốc	1.909.000
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng Công ty	7.000

### 2.2 Sơ yếu lý lịch:

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên HĐQT điều hành và 01 thành viên HĐQT không điều hành.

#### (1) Ông Nguyễn Ngọc Cần: Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Ngọc Cần
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/01/1964
Nơi sinh	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 238, đường Dương Đình Nghệ, P. Đông Thọ, TPTH
Chứng minh nhân dân	171474603; ngày cấp 13/01/2009; nơi cấp Công an T.Hóa
Điện thoại liên hệ	0913589816
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng CP đang nắm giữ	9.722.838 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	107.900 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	9.614.938 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(2) Ông Nguyễn Huy Nam: TVHĐQT - Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Huy Nam
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/12/1968
Nơi sinh	Xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 72 Phố Đội Cung, Phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa
CMND	171474301; cấp ngày 09/09/2011, nơi cấp: Công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0913 293 415
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ kinh tế chính trị
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	9.286.348 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	106.200 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	9.180.148 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với	Không có



Công ty	
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao của Thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(3) Ông Lê Sỹ Len: TVHĐQT - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Lê Sỹ Len
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/7/1969
Nơi sinh	Xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 161, Đông Vệ 5, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa
CMND	172584987, ngày cấp: 31/8/2009, nơi cấp: Công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0912162625
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.597.787 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	57.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	4.540.387 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(4) Dương Văn Hóa: TVHĐQT - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Dương Văn Hóa
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	11/12/1963
Nơi sinh	Xã Triệu Dương, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 290, Đường Lê Hoàn, Phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa
CMND	170511401, ngày cấp: 26/8/2015, nơi cấp: Công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0904812999
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.596.587 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	56.200 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	4.540.387 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(5) Ông Nguyễn Huy Nhấn: TVHĐQT - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Huy Nhấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/05/1958
Nơi sinh	Xã Thiệu Tâm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Đường Mật Sơn, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa
CMND	171586175, ngày cấp: 22/6/2015, nơi cấp: Công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0912162625
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.909.000 cổ phần
<i>Trong đó</i>	



- Sở hữu cá nhân	1.909.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(6) Bà: Lê Thị Hà: Trưởng ban kiểm soát**

Họ và tên	Lê Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/05/1968
Nơi sinh	Xã Hoảng Ngọc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 108, đường Lý Thái Tông, phố Đông bắc Ga 2, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.
CMND	171253481 Ngày cấp: 05/5/2010 Nơi cấp: CA Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0914995795
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	7.700 cổ phần
<i>Trong đó:</i>	
- Sở hữu cá nhân	7.700 cổ phần
Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

Công ty	
---------	--

**(7) Ông: Lê Văn Sơn - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Lê Văn Sơn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	18/6/1968
Nơi sinh	Xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 08/1/1 đường Nguyễn Văn Trỗi, P.Ngọc Trạo, TP.Thanh Hóa
CMND	171472130; Ngày cấp 14/4/2014; Nơi cấp: Công an Thành Hóa
Điện thoại liên hệ	0912395733
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCHC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	57.700 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	57.700 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(8) Ông: Nguyễn Huy Trường - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Nguyễn Huy Trường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/11/1971
Nơi sinh	Xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 33 Nguyễn Thị Thập, P. Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.



CMND	171454879; Ngày cấp: 08/4/1993; Nơi cấp: CA Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0919016009
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch Vật tư
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.200 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	6.200 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(9) Bà Nguyễn Thị Nga: Kế toán trưởng**

Họ và tên	Nguyễn Thị Nga
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/11/1973
Nơi sinh	Xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 145 Đình Công tráng, P. Ba Đình, thành phố Thanh Hóa
Căn cước công dân	038173003600; cấp ngày 27/07/2017; nơi cấp: Cục CSDKQL cư trú và DLQG
Điện thoại liên hệ	0962156586
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	7.000 cổ phần
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	7.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Thay đổi chức danh Kế toán trưởng kể từ ngày 01/8/2017 do ông Hồ Chí Trung nghỉ việc hưởng chế độ BHXH và Bà Nguyễn Thị Nga được HĐQT bổ nhiệm Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ công nhân viên của công ty tính đến ngày 31/12/2017 là: 758 người, trong đó: Nữ 315 người; Đại học trở lên 312 người; Cao đẳng, trung cấp 232 người; Công nhân kỹ thuật 214 người.

- Các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động Để đáp ứng với tình hình hoạt động với mô hình công ty cổ phần, sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, công ty đã sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý nội bộ để áp dụng cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, như Quy chế về Tiền lương, tiền thưởng, quy chế quản lý tài chính và một số quy định khác.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

Năm 2017, với nhiều cố gắng chúng ta đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hạng mục, dự án đầu tư như: Hoàn tất hồ sơ pháp lý, đẩy nhanh tiến độ thi công. Với giá trị đầu tư thực hiện trong năm 2017 là 28,6 tỷ đồng; Công ty đã tập trung cho việc thực hiện Cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ kém chất lượng, cải tạo sửa chữa, đầu tư mới cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Hiện Công ty đang trong giai đoạn hoàn thiện các Dự án: Xây dựng trạm bơm tăng áp và tuyến ống chuyển tải nước thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn; Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhà máy nước Định Tân, huyện Yên Định.

**b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có**

### **4. Tình hình tài chính**



Chỉ tiêu	Đơn vị: VNĐ		
	NĂM 2016 (TNHH+CP)	NĂM 2017	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	622.640.866.960	729.196.332.319	+17,1
2. Doanh thu thuần	280.641.018.419	305.272.794.586	+ 1,1
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD	11.270.689.711	16.655.503.025	+157,9
4. Lợi nhuận khác và thu nhập khác	46.812.090	343.528.243	-73,4
5. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,36%	2,88%	+111,7
6. Tổng Tài sản/doanh thu	2,22 lần	2,39 lần	+ 0,17
7. Thuế và các khoản phải nộp	11.140.928.373	25.170.002.556	+ 123,8
8. Lợi nhuận trước thuế	11.295.755.635	16.999.031.268	+ 50,4
9. Lợi nhuận sau thuế	9.039.531.428	13.599.225.015	+ 50,4

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

- Tại ngày 15/05/2017 theo Nghị quyết số 111/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên, và tại ngày 29/5/2017 theo giấy đăng ký doanh nghiệp, tổng số vốn cổ phần là: 32.995.411 cổ phần;

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 31.040.411 cổ phần;

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 1.955.000 cổ phần.

### b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại diện, còn 01 thành viên là cổ đông là cá nhân.

- Cổ đông Nhà nước: Gồm có 04 thành viên HĐQT của Công ty làm Đại diện

- Cổ đông nhỏ là CBCNV của Công ty: 668 người

- Cổ đông khác: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

đ) Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

#### a) Tổng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất

TT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
1	Nước thô	M <sup>3</sup>	36.770.420
2	Phèn	Tấn	753,5
3	PAC	Tấn	28,7
4	Clo	Tấn	30,6

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của cổ chức: Không có.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

TT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
1	Điện	Kw	9.427.115

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

- Cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp: Nước mặt và nước ngầm.

- Phục vụ CBCNV: Nước sạch do Công ty trực tiếp sản xuất.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:



a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có.*

#### **6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2017 là 758 người; mức thu nhập bình quân của người lao động là 8.540.000 đồng/người/tháng

b) *Chính sách lao động:*

- Chi trả các khoản độc hại, phụ cấp cho người lao động đầy đủ theo quy định;
- Trang cấp bảo hộ lao động và các thiết bị làm việc cho người lao động đầy đủ;
- Hàng năm công ty tổ chức và thực hiện tốt công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho một người lao động là 24 giờ/người/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công ty đã tổ chức triển khai thông qua các hoạt động như, Hội thi tay nghề, hội thi các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mở các lớp tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm ở các đơn vị bạn.v.v.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Hàng năm công ty phối hợp với công đoàn thăm hỏi và hỗ trợ cho các đồng bào vùng sâu, vùng xa, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các vùng bị thiên tai hỏa hoạn... số tiền lên tới trên 500 triệu đồng năm.

**6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- *Trong hoạt động sản xuất phục vụ cấp nước:* Đảm bảo tiêu chuẩn quy định, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng trên các địa bàn hoạt động, với chất lượng đảm bảo theo quy định của Bộ Y tế. Sản lượng nước sản xuất vượt trên 7% so với kế hoạch; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước giảm từ 26,5% năm 2016 xuống còn 25,75% trong năm 2017; chất lượng dịch vụ được nâng cao trên tất cả các tiêu chí về áp lực, lưu lượng, chất lượng nước thành phẩm, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ; Sản lượng nước hàng hóa của công ty ước đạt 26.195.000m<sup>3</sup> bằng 100,82 % kế hoạch. Doanh thu cấp nước đạt 234.479trđ bằng 101,83% kế hoạch. Cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã phối hợp tốt với các cấp chính quyền trong việc huy động vốn đầu tư để phát triển mạng lưới cấp nước cho một số khu vực ngoại thành, ngoại thị, các khu vực khó khăn về nguồn



nước và đã phát triển thêm được trên 16,3 ngàn hộ khách hàng mới trong năm 2017, tăng 15% so với thực hiện năm 2016; đưa số lượng khách hàng sử dụng nước của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là trên 150 ngàn hộ, tăng 10,95% so cùng kỳ năm 2016.

- *Trong hoạt động xây lắp, tư vấn và hoạt động khác:* Hoạt động xây lắp, tư vấn mặc dù gặp nhiều khó khăn; tuy nhiên, bằng sự nỗ lực cố gắng của Chi nhánh Xây Lắp và các đơn vị trực thuộc, hoạt động xây lắp, tư vấn đạt kết quả khả quan, bên cạnh việc hoàn thành vượt mức kế hoạch, còn có sản lượng chuyển tiếp sang năm 2018 với giá trị lớn. Doanh thu xây lắp, tư vấn và hoạt động khác thực hiện đạt 70.794trđ bằng 110,21% kế hoạch.

- *Hiệu quả hoạt động:* Tổng doanh thu đạt 305.273trđ, bằng 102,6% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 16.999trđ, bằng 136,0% kế hoạch. Như vậy, mặc dù hoạt động xây lắp, tư vấn không thuận lợi, nhưng với nỗ lực tiết giảm chi phí, hiệu quả hoạt động SXKD thời cổ phần của công ty tương đối tích cực đáng ghi nhận.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản:**

- Tổng tài sản thời điểm cuối kỳ (31/12/2016) là 622.640.866.960 đồng; trong đó, Tài sản ngắn hạn là 123.790.545.770 đồng, Tài sản dài hạn là 498.850.321.190 đồng.

- Tổng tài sản thời điểm cuối kỳ (31/12/2017) là 729.196.332.319 đồng; trong đó, Tài sản ngắn hạn là 152.216.833.429 đồng, Tài sản dài hạn là 576.979.498.890 đồng.

- Tổng tài sản cuối kỳ tăng 106.555.465.359 đồng, tăng 14,6% so với đầu kỳ, chủ yếu là do Tài sản thuộc Dự án Hợp phần 2 (CSEDP) “cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thuộc Dự án phát triển toàn diện thành phố Thanh Hóa và Dự án tuyến ống chuyển tải Thanh Hóa - Sầm Sơn đưa vào sử dụng.

### **b) Tình hình nợ phải trả:**

- Tổng nợ phải trả thời điểm cuối kỳ (31/12/2016) là 287.050.551.845 đồng; trong đó, Nợ ngắn hạn là 109.436.185.831 đồng, Nợ dài hạn là 177.614.366.014 đồng.

- Tổng nợ phải trả thời điểm cuối kỳ (31/12/2017) là 386.837.450.911 đồng; trong đó, Nợ ngắn hạn là 146.141.430.956 đồng, Nợ dài hạn là 240.696.019.955 đồng.

- Tổng nợ phải trả cuối kỳ tăng 99.786.899.066 đồng, tăng 25,8% so với đầu kỳ, chủ yếu là do Tài sản thuộc Dự án hợp phần 2 (CSEDP) bàn giao cho Công ty và một số khoản nợ phải trả thuộc khoản vay vốn lưu động trong định mức, Dự án tuyến ống chuyển tải Thanh Hóa - Sầm Sơn, Dự án nâng công suất Nhà máy nước Quảng Xương.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**



Thực hiện Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch phát triển trong tương lai của công ty như sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 20%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

#### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường**

##### *a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:*

- Thực hiện nghiêm quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy định về chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước.

- Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên tất cả các địa bàn công ty phục vụ cấp nước.



*b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Các chế độ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động luôn được đảm bảo; ngoài việc thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, duy trì các chế độ phúc lợi vào các ngày lễ lớn, các chế độ về ăn ca, trang bị cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ CBCNV khi hiếu hi.... ; Công ty cũng luôn chú trọng vào việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên. Với mức thu nhập bình quân 8,54trđ/người/tháng, tăng 4,54% so với năm 2016, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày một cải thiện và phát triển. Đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên cũng trở nên phong phú và có ý nghĩa với các hoạt động nghỉ dưỡng, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, văn nghệ, giao lưu thi đấu bóng chuyền sau giờ làm việc, giao lưu văn nghệ, .... Tất cả đã tạo nên nét văn hóa của Công ty, làm cho cán bộ công nhân viên thêm tự hào, có sức khỏe, tinh thần nhiệt huyết, lao động sáng tạo góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

*c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương:*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

- Thực hiện nghiêm quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy định về chế độ kế toán tài chính DN, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước.

- Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên tất cả các địa bàn công ty phục vụ cấp nước.

**2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc trong năm 2017 thể hiện sự nhanh nhạy trong việc điều hành phát triển công ty, nỗ lực hết mình hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2017 và điều hành mọi hoạt động để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ĐH đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2017.

Tại các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đều báo cáo minh bạch kết quả SXKD và đề nghị các vấn đề phát sinh theo yêu cầu SXKD thuộc thẩm quyền của HĐQT để được thông qua.

Trong điều hành, Tổng giám đốc công ty phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo quy chế hoạt động, chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả SXKD theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng giám đốc thực hiện chế độ giao ban định kỳ hàng tháng ngay sau các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị để triển khai



thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và kế hoạch SXKD tháng tiếp theo. Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kích thích tiêu dùng nước sạch. Nhờ vậy, Công ty hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2017 tạo cơ sở phát triển bền vững trong những năm tới.

### **3. Kế hoạch định hướng của HĐQT**

#### **3.1. Hoạt động SXKD:**

- Độ bao phủ dịch vụ cấp nước: Thành phố Thanh Hóa 95% (tính đến dân số tại các huyện Thiệu Hóa, Quảng Xương, Đông Sơn, Hoàng Hóa chuyển về); thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn 95% ; Các đô thị khác từ 90-92%. Tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước của tất cả khách hàng trên địa bàn quản lý.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước, tiếp tục triển khai chương trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước theo chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả phương án vốn vay thương mại để triển khai các dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp.

- Thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả SXKD nói chung.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT; soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các qui chế nội bộ để các qui chế này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước thân thiện, chuyên nghiệp và hiện đại hơn nữa.

#### **3.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:**

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2017 và định hướng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015- 2020. HĐQT xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2018 như sau:

a) *Nâng cao hiệu quả SXKD*, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững với 6 mục tiêu chính: Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2018; hạ tỷ lệ thất thoát thất thu nước xuống mức dưới 25%; giữ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 7-10% về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân người lao động; mở rộng phát

triển dịch vụ về vùng nông thôn; từng bước tự động hóa điều hành hệ thống cấp nước; tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ;

Thực hiện thành công và theo đúng lộ trình Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 18/12/2017 V/v triển khai thoái vốn Nhà nước tại Công ty năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

*b) Các chỉ tiêu chính:*

- Nước sản xuất:	37.078.000 m <sup>3</sup>
- Nước hàng hóa:	27.726.100 m <sup>3</sup>
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu:	25,0%
- Phát triển khách hàng:	17.500 hộ
- Tổng doanh thu:	316.623 triệu đồng
- Nộp ngân sách:	22.700 triệu đồng
- Lợi nhuận:	17,5 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân:	8.830.000 đ/người/tháng

**V. Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị**

*a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị, gồm có 05 người:*

- Ông: Nguyễn Ngọc Cần - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 9.722.838 cổ phần = 29,467%; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông: Nguyễn Huy Nam - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, nắm giữ 9.286.359 cổ phần = 28,144%; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông: Lê Sỹ Len - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, nắm giữ 4.597.787 cổ phần = 13,935%; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông: Dương Văn Hóa - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, nắm giữ 4.596.587 = 13,931%; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông: Nguyễn Huy Nhấn - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, nắm giữ 1.909.000 cổ phần = 5,998 %; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

*b) Các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có*

*c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

- Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp thường kỳ và đột xuất theo các hình thức phù hợp để ban hành các Nghị quyết, Quyết định cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định quan trọng được thông qua gồm:



TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	05A/QĐ-HĐQT	9/1/2017	Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa
2	55A/QĐ-HĐQT	10/2/2017	Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa
3	56A/QĐ-HĐQT	10/2/2017	Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng thiết kế BVTC xây dựng công trình “Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải nước thứ 2 DN400 Thanh Hóa – Sầm Sơn
4	57/QĐ-HĐQT	20/2/2017	Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2017
5	58/QĐ-HĐQT	20/2/2017	Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của người lao động Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2017
6	65A/QĐ-HĐQT	03/3/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống truyền tải cung cấp nước sinh hoạt cho xã Minh Khôi và xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống
7	68A/QĐ-HĐQT	17/3/2017	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ” tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa
8	73/QĐ-HĐQT	22/3/2017	Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công công trình “Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải nước thứ 2 DN400 Thanh Hóa- Sầm Sơn”
9	87/QĐ-HĐQT	7/4/2017	Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình “Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải nước thứ 2 DN400 Thanh Hóa- Sầm Sơn”
10	89/QĐ-HĐQT	10/4/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình “Tuyến ống truyền tải cung cấp nước sinh hoạt cho xã Đông Yên, huyện Đông Sơn”
11	97A/QĐ-HĐQT	21/4/2017	Phê duyệt dự án hạng mục Tuyến ống qua cầu sông Thống Nhất và cầu Sông Đơ thuộc dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa – Sầm Sơn
12	99/QĐ-HĐQT	21/4/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ”
13	100A/QĐ-HĐQT	28/4/2017	Phê duyệt điều chỉnh dự toán hạng mục “Tuyến ống qua cầu sông Thống Nhất và cầu sông Đơ thuộc dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa – Sầm Sơn”
14	100/BTC-ĐH	3/5/2017	Thành lập ban kiểm tra tư cách Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa
15	111/NQ-ĐHĐCĐ	15/5/2017	Thông qua: (1) Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và thông qua các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 (2) Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2016 và chương trình công tác năm 2017 (3) Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra giám sát năm 2016 và



			Dự kiến hoạt động năm 2017 (4) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán cho hoạt động từ ngày 28/5/2016 đến 31/5/2016 (5) Thông qua phương án điều chỉnh vốn điều lệ; phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức thời kỳ 28/5/2016-31/12/2016; Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2017 của HĐQT (6) Thông qua thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2017 (7) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần
16	111A/QĐ-ĐHĐCĐ	15/5/2017	Điều chỉnh vốn điều lệ
17	130/QĐ-HĐQT	31/5/2017	Phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng Tuyến ống truyền tải cung cấp nước sinh hoạt cho xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
18	145A/QĐ-HĐQT	22/6/2017	Phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục công trình “Tuyến ống cấp nước u.PVC DN225 đường Hai Bà Trưng – thành phố Sầm Sơn thuộc dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa – Sầm Sơn”
19	160A/QĐ-HĐQT	26/7/2017	Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa – Sầm Sơn
20	173/QĐ-HĐQT	21/8/2017	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa.
21	176/QĐ-HĐQT	22/8/2017	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục :Trạm xử lý nước thuộc dự án cấp nước sạch xã Định Tân và các vùng lân cận, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
22	189A/QĐ-HĐQT	18/9/2017	Phê duyệt hủy bỏ kết quả lựa chọn nhà thầu vắn cũ và phê duyệt chỉ định nhà thầu vắn mới lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu “Cung cấp lắp đặt thiết bị”, “Thi công xây dựng công trình” và “Tur vắn giám sát thi công xây dựng” thuộc dự án xây dựng Nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ
23	192A/QĐ-HĐQT	29/9/2017	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu “Tur vắn giám sát thi công xây dựng” thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ
24	02/NQ-HĐQT	16/10/2017	<p>Thông nhất mức đầu tư dự kiến cho các dự án:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dự án Nhà máy nước Quảng Xương với công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngđ (55 tỷ đồng)</li> <li>2. Dự án cấp nước sạch xã Định Tân và các vùng lân cận huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (10 tỷ đồng)</li> </ol>
25	212/QĐ-HĐQT	19/10/2017	Phê duyệt hồ sơ mời thầu và giá gói thầu số 04 Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ
26	233/QĐ-HĐQT	9/11/2017	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt thiết bị công nghệ thuộc dự án Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000m <sup>3</sup> /ngđ



27	246/QĐ-HĐQT	30/11/2017	Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu “Thi công xây dựng công trình” thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ
28	247/QĐ-HĐQT	30/11/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình” thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ
29	254/QĐ-HĐQT	11/12/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thi công xây dựng công trình” thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000 m <sup>3</sup> /ngđ

- Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các Quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành tập trung vào việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính công ty, điều chỉnh kịp thời danh mục các dự án xây dựng cơ bản về phát triển, sửa chữa cải tạo mạng lưới cấp nước cho phù hợp với tình hình thực tế, thông qua các vấn đề về tiền lương người lao động gắn với yêu cầu nâng cao NS lao động.

*d) Hoạt động của các Thành viên HĐQT:*

- Tất cả các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển công ty.

- Hoạt động của các thành viên HĐQT Công ty đều theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành. Hoạt động của Hội đồng quản trị độc lập;

- Việc Công bố thông tin theo quy định cũng đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

*e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty:* Không

Theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2017 (bao gồm cả báo cáo soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ) là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế (IFC). Hiện Báo cáo đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng.

## **2. Ban Kiểm soát**



a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* Thành viên Ban kiểm soát của công ty gồm có: 03 người

- Bà: Lê Thị Hà - Trưởng Ban, nắm giữ 7.700 cổ phần = 0,023% , tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- Ông: Lê Văn Sơn - Thành viên , nắm giữ 57.700 cổ phần = 0,175%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- Ông: Nguyễn Huy Trường - Thành viên, nắm giữ 6.200 cổ phần = 0,019%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, chịu trách nhiệm chính trong vấn đề kiểm tra, giám sát; các thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm trực tiếp trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế của Ban Kiểm soát được ban hành kèm theo QĐ số 01/QĐ-BKS ngày 06/9/2016.

Thực hiện chức năng giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì và một số cuộc họp của Hội đồng quản trị và của Công ty để theo dõi, nắm bắt việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Hội đồng quản trị; các Báo cáo của Tổng Giám đốc và tài liệu Công ty phát hành đều được gửi đến cho Ban Kiểm soát đầy đủ, cùng thời điểm, theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Các cán bộ quản lý Công ty luôn tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát được tiếp cận hồ sơ, tài liệu và tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Ban Kiểm soát.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên trong Ban luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

Năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được một yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

a) *Lương, thưởng, thù lao các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát*

**\* Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**



- Chủ tịch HĐQT:

+ Tiền lương: 496.800.000 đ

+ Tiền thưởng: 41.400.000 đ

- Tổng Giám đốc, TV HĐQT:

+ Tiền lương: 483.000.000 đ

+ Tiền thưởng: 40.250.000 đ

- Phó Tổng Giám đốc, TV HĐQT:

+ Tiền lương: 441.600.000 đ/người

+ Tiền thưởng: 36.800.000 đ/người

\* **Ban kiểm soát:**

- Trưởng Ban kiểm soát:

+ Tiền lương: 441.600.000 đ

+ Tiền thưởng: 36.800.000 đ

\* **Kế toán trưởng:**

+ Tiền lương: 441.600.000 đ

+ Tiền thưởng: 36.800.000 đ

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Căn cứ Luật doanh nghiệp, và các thông tư, nghị định hướng dẫn của Nhà nước, công ty đã kịp thời ban hành các Nội quy, quy chế, và các định mức quản lý nội bộ để áp dụng cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần, đồng thời triển khai tổ chức triển đến toàn thể các đơn vị phòng ban và người lao động trong toàn công ty nắm được để thực hiện. Kết quả trong năm qua công ty đã thực hiện tốt các quy định về công tác quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

## **VI. Báo cáo tài chính:**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Cơ sở ngoại trừ: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 khi chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo yêu cầu của Điều lệ Công ty. Do đó, chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi tăng lên so với thực tế số tiền tương ứng là 2.885.313.752 đồng và 2.039.883.752 đồng, đồng thời chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 giảm hơn so với thực tế số tiền là 4.079.767.504 đồng.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

(Bao gồm 4 mẫu: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết kết hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>152.216.833.429</b>	<b>123.790.545.770</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>28.413.716.834</b>	<b>40.434.036.069</b>
1. Tiền	111		2.813.716.834	2.434.036.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.600.000.000	38.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	25.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.684.389.759</b>	<b>58.412.834.144</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57.932.631.148	46.303.408.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		763.414.480	121.080.745
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	18.450.791.131	16.450.791.761
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.462.447.000)	(4.462.447.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.643.765.969</b>	<b>24.598.881.597</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	20.643.765.969	24.598.881.597
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.974.960.867</b>	<b>344.793.960</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.780.357.396	267.101.216
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	194.603.471	77.692.744
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>576.979.498.890</b>	<b>498.850.321.190</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>547.245.221.985</b>	<b>490.592.169.510</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	547.234.340.310	490.567.907.839
- Nguyên giá	222		1.075.072.268.796	965.395.796.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(527.837.928.486)	(474.827.888.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.881.675	24.261.671
- Nguyên giá	228		414.621.550	369.021.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(403.739.875)	(344.759.879)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.664.375.559</b>	<b>3.449.080.859</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	21.664.375.559	3.449.080.859
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.069.901.346</b>	<b>4.809.070.821</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	8.069.901.346	4.809.070.821
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>729.196.332.319</b>	<b>622.640.866.960</b>

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Tại ngày 31/12/2017**

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>386.837.450.911</b>	<b>287.050.551.845</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>146.141.430.956</b>	<b>109.436.185.831</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	25.186.956.746	14.866.533.416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.264.885.230	7.511.484.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	5.302.546.857	1.389.379.754
4. Phải trả người lao động	314		6.852.231.554	4.723.869.321
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.020.950.932	4.814.942.084
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	81.023.702.393	48.202.441.436
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	11.503.741.896	12.523.741.896
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		782.000.000	7.474.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.204.415.348	7.929.793.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>240.696.019.955</b>	<b>177.614.366.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	240.696.019.955	177.614.366.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>342.358.881.408</b>	<b>335.590.315.115</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>342.358.881.408</b>	<b>335.590.315.115</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.954.110.000	329.954.110.145
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.954.110.000	329.954.110.145
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.885.313.752	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.519.457.656	5.636.204.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.519.457.656	5.636.204.970
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>729.196.332.319</b>	<b>622.640.866.960</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

## 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA  
99 Mặt Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B02-DN  
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### Phần I - Lãi Lỗ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	305.272.794.586	183.429.516.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.429.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		305.272.794.586	183.425.086.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227.543.333.960	138.005.753.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.729.460.626	45.419.333.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.765.462.553	1.306.966.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.459.455.110	4.452.774.139
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.459.455.110	4.452.774.139
8. Chi phí bán hàng	25		26.792.724.894	14.998.638.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.587.240.150	20.815.875.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.655.503.025	6.459.011.489
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.437.932.918	607.990.890
12. Chi phí khác	32		1.094.404.675	21.746.166
13. Lợi nhuận khác	40		343.528.243	586.244.724
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.999.031.268	7.045.256.213
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	3.399.806.253	1.409.051.243
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.599.225.015	5.636.204.970
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	360	168
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		360	168



**Phần II. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Chỉ tiêu	MS	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
<b>I. Thuế</b>	<b>10</b>	<b>664.536.238</b>	<b>7.210.054.349</b>	<b>7.075.811.085</b>	<b>798.779.502</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	-77.692.744	2.429.082.924	2.518.501.153	-167.110.973
2. Thuế thu nhập DN	15	378.119.480	3.399.806.253	3.058.119.480	719.806.253
3. Thuế thu nhập cá nhân	16	252.708.900	131.958.643	384.667.543	
4. Thuế tài nguyên	17	86.353.940	956.990.340	769.767.560	273.576.720
5. Tiền thuê đất	19	2.056.462	271.216.189	299.765.149	-26.492.498
6. Thuế bảo vệ môi trường	20		21.000.000	21.000.000	
7. Các loại thuế khác	21	22.990.200		23.990.200	-1.000.000
<b>II. Khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>647.150.772</b>	<b>17.729.372.307</b>	<b>14.067.359.195</b>	<b>4.309.163.884</b>
1. Các khoản phí, lệ phí	32	647.150.772	17.728.355.715	14.066.342.603	4.309.163.884
2. Khoản phải nộp khác	33		1.016.592	1.016.592	
<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>1.311.687.010</b>	<b>24.939.426.656</b>	<b>21.143.170.280</b>	<b>5.107.943.386</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

### 2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA  
99 Mật Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B03-DN  
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	319.229.591.202	190.403.118.073
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(154.830.722.181)	(96.637.155.032)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.236.020.380)	(35.982.076.612)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.253.446.262)	(8.640.956.584)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.058.119.480)	(1.710.957.451)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.583.992.914	13.980.651.204
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.583.862.791)	(29.273.837.758)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>59.851.413.022</b>	<b>32.138.785.840</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(105.950.474.997)	(53.918.201.786)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.262.406	19.374.455
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(130.124.212.591)</b>	<b>(53.898.827.331)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	76.275.395.837	53.918.201.786
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.213.741.896)	(15.960.427.781)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.809.173.607)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>58.252.480.334</b>	<b>37.957.774.005</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(12.020.319.235)</b>	<b>16.197.732.514</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>40.434.036.069</b>	<b>24.236.303.555</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>28.413.716.834</b>	<b>40.434.036.069</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



## 2.4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

*Hình thức sở hữu vốn:* Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 2800219549 (thay đổi lần thứ 6) ngày 27 tháng 5 năm 2016. Theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 318.277.000.000 đồng tương ứng với 31.827.700 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu giá trị là: 329.954.110.145 đồng, chênh lệch: 11.677.110.145 đồng so với giá trị vốn chủ sở hữu đã phát hành cổ phiếu. Nguyên nhân là trong kỳ kế toán Công ty nhận bàn giao tài sản của UBND tỉnh Thanh Hóa và ghi tăng phần vốn góp của UBND tỉnh Thanh Hóa đối với các tài sản này.

Nghị quyết số 111/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ Công ty (tăng thêm 1.167.711 cổ phần phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần) cho cổ đông là UBND tỉnh Thanh Hóa tương ứng với giá trị các tài sản nhận đã nhận bàn giao từ UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 5 năm 2017. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là: 329.954.110.000 đồng tương ứng với số cổ phần phổ thông là: 32.995.411 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã thực hiện đầy đủ các bước tăng vốn chủ sở hữu theo quy định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 758 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 723 người).

*Hoạt động chính:* Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch các đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, quản lý các dự án phát triển cấp nước, các hệ thống cấp nước đô thị;

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước sạch;

- Xây dựng nhà các loại;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn thải;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa



học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

*Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:* Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Kế toán trên máy vi tính.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính



### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Nợ phải thu*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### *Tài sản cố định hữu hình và khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí



trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải	05-15
Tài sản cố định khác	03-05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của đơn vị bao gồm phần mềm quản lý, nhãn hiệu hàng hóa. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. TSCĐ vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính 5-10 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	821,000,000	500,885,600
Tiền gửi ngân hàng	1,992,716,834	1,933,150,469
Các khoản tương đương tiền (*)	25,600,000,000	38,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>28,413,716,834</b>	<b>40,434,036,069</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa, chi tiết như sau:

Tài khoản	Số dư VND	Kỳ hạn	Lãi suất
0785000025509	4.000.000.000	3 tháng	4,8%
0785000026428	3.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000028803	600.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029237	3.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000029239	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029240	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029656	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000029657	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000030121	3.000.000.000	3 tháng	4,8%
0785000031005	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000031007	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
<b>Cộng</b>	<b>25.600.000.000</b>		

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>25.500.000.000</b>		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(\*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa, chi tiết như sau:

Tài khoản	Số dư VND	Kỳ hạn	Lãi suất
0785000027123	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027127	4.500.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027129	5.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027131	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000029658	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000029659	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000030525	4.000.000.000	6 tháng	5,2%
<b>Cộng</b>	<b>25.500.000.000</b>		

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 16	5.279.424.588	5.479.424.588
Ban QLDA Khu Kinh tế Nghi Sơn	9.033.010.000	13.717.149.000
UBND xã Thiệu Khánh	4.963.587.000	
Các đối tượng khác	38.656.609.560	27.106.835.050
<b>Cộng</b>	<b>57.932.631.148</b>	<b>46.303.408.638</b>

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tạm ứng	596.680.000	5.948.213.238
Phải thu lãi tiết kiệm	1.256.924.137	699.677.390
Phải thu khác	16.597.186.994	9.802.901.133
<b>Cộng</b>	<b>18.450.791.131</b>	<b>16.450.791.761</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CPĐT và PT Bạch đằng 16	5,279,424,588	-	5,479,424,588	-
- Cấp nước làng cổ Đông sơn	1,722,734,751	-	1,722,734,751	-
<b>Cộng</b>	<b>7,002,159,339</b>	<b>-</b>	<b>7,202,159,339</b>	<b>4,462,447,000</b>
				<b>2,739,712,249</b>
				<b>1,722,734,751</b>
				<b>4,462,447,000</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.662.409.929	-	15.589.162.192	-
Công cụ, dụng cụ	625.536.276	-	802.538.449	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.355.819.764	-	8.207.180.956	-
<b>Cộng</b>	<b>20.643.765.969</b>	<b>-</b>	<b>24.598.881.597</b>	<b>-</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	284.873.355.211	100.502.472.732	578.319.344.743	1.700.623.593	965.395.796.279
Mua trong năm	-	1.308.473.454	13.405.472.377	34.727.273	14.748.673.104
Đầu tư XD/CB hoàn thành	8.682.048.743	6.055.067.239	81.219.233.914	-	95.956.349.896
Giảm khác	-	-	(1.028.550.483)	-	(1.028.550.483)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>293.555.403.954</b>	<b>107.866.013.425</b>	<b>671.915.500.551</b>	<b>1.735.350.866</b>	<b>1.075.072.268.796</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	129.888.986.876	33.946.867.046	310.005.779.899	986.254.619	474.827.888.440
Khấu hao trong năm	12.537.406.993	9.783.956.182	30.520.025.151	168.651.720	53.010.040.046
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>142.426.393.869</b>	<b>43.730.823.228</b>	<b>340.525.805.050</b>	<b>1.154.906.339</b>	<b>527.837.928.486</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	154.984.368.335	66.555.605.686	268.313.564.844	714.368.974	490.567.907.839
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>151.129.010.085</b>	<b>64.135.190.197</b>	<b>331.389.695.501</b>	<b>580.444.527</b>	<b>547.234.340.310</b>

(\*) Giảm khác là do điều chỉnh giảm giá trị lãi vay được vốn hóa của gói thầu G1P1: Cải tạo các tuyến ống trung tâm thuộc Hợp phần 2: Cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước (Dự án phát triển toàn diện kinh tế xã hội thành phố Thanh Hóa) đơn vị đã tạm tăng tài sản năm 2016.

Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 174.178.597.119 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 216.766.509.778 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.889.141.672 đồng

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	310.353.550	58.668.000	369.021.550
Mua trong năm	45.600.000		45.600.000
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>355.953.550</b>	<b>58.668.000</b>	<b>414.621.550</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	286.091.879	58.668.000	344.759.879
Khấu hao trong năm	58.979.996		58.979.996
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>345.071.875</b>	<b>58.668.000</b>	<b>403.739.875</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	24.261.671	-	24.261.671
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>10.881.675</b>	<b>-</b>	<b>10.881.675</b>

Nguyên giá của TSVH bao gồm các TS đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 58.668.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 58.668.000 đồng).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>21.664.375.559</b>	<b>3.414.014.853</b>
- Nhà máy nước Quảng xương công suất 35.000 m3/Ngđ	7.543.384.475	689.068.064
- Tuyến ống truyền tải số 2 Thanh Hoá - Sầm Sơn	5.261.126.750	398.912.500
- Tuyến ống truyền tải cấp nước sinh hoạt xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn	1.438.407.300	-
- Cấp nước xã Định Tân và các vùng phụ cận	6.284.488.847	457.924.000
- Các công trình khác	1.136.968.187	1.868.110.289
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>35.066.006</b>
<b>Cộng</b>	<b>21.664.375.559</b>	<b>3.449.080.859</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đồng hồ, rắc co đồng hồ	5.286.433.550	4.685.944.186
Thiết bị dụng cụ quản lý	945.158.807	71.381.637
Các loại thiết bị công cụ khác	938.100.000	51.563.533
Sửa chữa TSCĐ	900.208.989	181.465
<b>Cộng</b>	<b>8.069.901.346</b>	<b>4.809.070.821</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sông Chu	3.672.447.955	3.672.447.955	3.579.455.880	3.579.455.880
CTy TNHH Nga Anh	1.276.216.200	1.276.216.200	1.566.313.000	1.566.313.000
Cty TNHH TM viễn thông Việt Hồng Hà	1.194.270.000	1.194.270.000		-
Dự án phát triển toàn diện KTXH-HP2	13.405.472.377	13.405.472.377	4.996.524.786	4.996.524.786
Công ty cổ phần HAWACO	1.849.045.000	1.849.045.000	728.096.600	728.096.600
Các đối tượng khác	3.789.505.214	3.789.505.214	3.996.143.150	3.996.143.150
<b>Cộng</b>	<b>25.186.956.746</b>	<b>25.186.956.746</b>	<b>14.866.533.416</b>	<b>14.866.533.416</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	167.110.973	18.283.053.760	18.372.471.989	77.692.744
Tiền thuế đất, Thuế sử dụng đất phi NN	26.492.498	-	26.492.498	-
Thuế môn bài	1.000.000	21.000.000	22.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>194.603.471</b>	<b>18.304.053.760</b>	<b>18.420.964.487</b>	<b>77.692.744</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	719.806.253	3.399.806.253	3.058.119.480	378.119.480
Thuế Thu nhập cá nhân	-	131.958.643	407.657.743	275.699.100
Thuế tài nguyên	273.576.720	956.990.340	769.767.560	86.353.940
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	271.216.189	273.272.651	2.056.462
Phí BVMT đối với nước thải	4.309.163.884	17.728.355.715	14.066.342.603	647.150.772
Các loại thuế, phí phải nộp khác	-	1.016.592	1.016.592	-
<b>Cộng</b>	<b>5.302.546.857</b>	<b>22.489.343.732</b>	<b>18.576.176.629</b>	<b>1.389.379.754</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Lãi vay phải trả ngân hàng phát triển Thanh Hóa (Khoản vay ADB- dự án cấp nước và Vệ sinh Thanh Hóa-Sầm Sơn)	1.619.631.746	1.839.910.860
- Lãi vay phải trả ngân hàng Ngoại thương Thanh Hóa (dự án nhà máy nước Hàm Rồng 35.000m3)	3.401.319.186	2.975.031.224
<b>Cộng</b>	<b>5.020.950.932</b>	<b>4.814.942.084</b>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	245.223.895	256.314.926
Bảo hiểm xã hội	-	6.912.924
Bảo hiểm y tế	-	1.516.347
Bảo hiểm thất nghiệp	-	505.448
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.778.478.498	47.937.191.791
<b>Cộng</b>	<b>81.023.702.393</b>	<b>48.202.441.436</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án ADB	4.276.091.896	4.276.091.896	-	-	4.276.091.896	4.276.091.896
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án WB	5.657.650.000	5.657.650.000	-	-	5.657.650.000	5.657.650.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Thanh Hóa - Dự án Nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng lên 35.000 m3	1.570.000.000	1.570.000.000	-	-	2.590.000.000	2.590.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>11.503.741.896</b>	<b>11.503.741.896</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.523.741.896</b>	<b>12.523.741.896</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay dài hạn	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
			Tăng	VND				VND
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án ADB (a)	27.794.597.328	27.794.597.328	-	4.276.091.896	32.070.689.224	32.070.689.224		
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án WB (b)	70.720.627.900	70.720.627.900	-	5.657.650.000	76.378.277.900	76.378.277.900		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa - Dự án Nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng lên 35.000	37.910.939.000	37.910.939.000	14.300.000.000	4.160.000.000	27.770.939.000	27.770.939.000		
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án Phát triển toàn diện (d)	61.166.102.623	61.166.102.623	7.247.900.837	-	53.918.201.786	53.918.201.786		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa-Dự án (e)	35.980.000.000	35.980.000.000	36.100.000.000	120.000.000	-	-		
- Quỹ Đầu Tư PT Thanh Hóa	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-		
- Dự án (f)								
- Vốn Ngân sách tỉnh-Tuyên ống gang D400 GIPI (g)	7.627.495.000	7.627.495.000	7.627.495.000	-	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>252.199.761.851</b>	<b>252.199.761.851</b>	<b>76.275.395.837</b>	<b>14.213.741.896</b>	<b>190.138.107.910</b>	<b>190.138.107.910</b>		
<b>Phân loại sang vay ngắn hạn</b>	<b>11.503.741.896</b>	<b>11.503.741.896</b>			<b>12.523.741.896</b>	<b>12.523.741.896</b>		
<b>Vay dài hạn</b>	<b>240.696.019.955</b>	<b>240.696.019.955</b>			<b>177.614.366.014</b>	<b>177.614.366.014</b>		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

**b. Vay dài hạn (Tiếp theo)**

- (a) Vay ngân hàng Phát triển Thanh Hóa- dự án ADB để đầu tư dự án Cấp nước và vệ sinh thành phố Thanh Hóa, lãi 4,8%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Gốc và lãi trả làm 36 kỳ trong 18 năm. Lãi và phí trong thời gian ân hạn cũng được trả theo lịch nêu trên.
- (b) Vay ngân hàng Phát triển Thanh Hóa dự án của WB theo kế ước nhận nợ khung vay vốn ODA số 401.V179.003 ngày 29/03/2010 giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Thanh Hóa và Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa số tiền 4.766.052,27 USD, thời gian vay 20 năm, ân hạn 3 năm, lãi suất 3%/năm đã gồm 02,% phí quản lý. Trả nợ gốc và lãi làm 34 kỳ trong 17 năm.
- (c) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2015.01/HHTD ngày 12/02/2015 với tổng số tiền là 39.480.939.000 đồng mục đích để đầu tư thực hiện dự án "Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng công suất 20.000 lên 35.000m<sup>3</sup>/ngđ". Lãi suất từ 9,5% đến 10,5% năm cố định trong 5 năm đầu tiên từ ngày 12/3/2015. Lãi ân hạn trong thời gian xây dựng là 1.681.075.573 đồng.
- (d) Vay theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa để đầu tư dự án Phát triển toàn diện- Kinh tế xã hội TP Thanh Hóa ngày 10/8/2009. Số tiền vay là 8.573.000 USD. Đồng tiền nhận nợ là đồng VN. Thời hạn cho vay 20 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 năm. Gốc và lãi trả làm 28 kỳ trong 14 năm. Lãi suất 3,83%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.
- (e) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa theo hợp đồng tính dụng số 8674973/2017.03/VCB ngày 24/02/2017 với tổng số tiền vay là 50.000.000.000đ mục đích để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn" do Bên vay làm chủ đầu tư, số tiền nhận nợ lần này là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay 15 năm.
- (f) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thanh Hóa theo HHTD số 02/2017/HHTD-QĐTPT ngày 20/04/2017 với Tổng số tiền vay là 20.000.000.000đ. Số tiền nhận nợ lần này là 11.000.000.000 đ. Thời hạn cho vay 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 tháng. Gốc trả làm 40 kỳ (vào ngày 25 đến ngày cuối cùng của tháng cuối kỳ). Lãi trả hàng tháng. Lãi suất 7,5%/năm. Lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Mục đích để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn"
- (g) Đây là phần vốn đối ứng (vốn ngân sách) hợp phần 2 dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Thành phố Thanh Hóa, đơn vị hạch toán trên TK 341.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.503.741.896	12.523.741.896
Từ hai đến năm thứ năm	46.014.967.584	46.014.967.584
Sau năm năm	194.681.052.371	131.599.398.430
<b>Cộng</b>	<b>252.199.761.851</b>	<b>190.138.107.910</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	11.503.741.896	12.523.741.896
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>240.696.019.955</b>	<b>177.614.366.014</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>329.954.110.145</b>	-	<b>5.636.204.970</b>	<b>335.590.315.115</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.599.225.015	13.599.225.015
Điều chỉnh vốn (*)	(145)	-	145	-
Chia cổ tức (**)	-	-	(4.508.964.970)	(4.508.964.970)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	2.885.313.752	(2.885.313.752)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(2.321.693.752)	(2.321.693.752)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>329.954.110.000</b>	<b>2.885.313.752</b>	<b>9.519.457.656</b>	<b>342.358.881.408</b>

(\*) Tăng khác lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giảm khác vốn góp của chủ sở hữu là do điều chỉnh số lẻ khi phát hành cổ phiếu.

(\*\*) Theo Nghị Quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối như sau: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%): 281.810.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển (15%): 845.430.000 đồng; Số còn lại chia cổ tức: 4.508.964.970 đồng.

(\*\*\*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 được Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển (15%): 2.039.883.752 đồng; Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%): 2.039.883.752 đồng theo điều lệ Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, bộ phận xây dựng và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- + Bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch: Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
- + Bộ phận xây dựng: Xây dựng công trình theo hợp đồng xây dựng
- + Bộ phận khác: Giao khoán kinh doanh khách sạn.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31/12/2017

**Bảng cân đối kế toán**

	Sản xuất và cung cấp nước sạch		Hoạt động xây dựng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>								
Tài sản bộ phận	554.009.216.921		62.486.178.948		10.287.375.468		626.782.771.337	
Tài sản không phân bổ	-		-				102.413.560.982	
<b>Tổng tài sản</b>							<b>729.196.332.319</b>	
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ phải trả bộ phận	259.024.778.500		24.709.294.464				283.734.072.964	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-				103.103.377.947	
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>386.837.450.911</b>	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	235.621.275.690	67.163.711.169	2.487.807.727	305.272.794.586
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>235.621.275.690</b>	<b>67.163.711.169</b>	<b>2.487.807.727</b>	<b>305.272.794.586</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	161.534.539.145	63.385.087.175	2.623.707.640	227.543.333.960
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	74.086.736.545	3.778.623.994	(135.899.913)	77.729.460.626
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	77.729.460.626
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.765.462.553
Lợi nhuận khác	-	-	-	343.528.243
Chi phí tài chính	-	-	-	10.459.455.110
Chi phí bán hàng	-	-	-	26.792.724.894
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	26.587.240.150
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	16.999.031.268
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	3.399.806.253
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>13.599.225.015</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Bảng cân đối kế toán

	Sản xuất và cung cấp nước sạch		Hoạt động xây dựng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	420.455.857.280	64.114.716.661	10.891.174.260	484.570.573.941				
Tài sản không phân bổ	-	-	-	138.070.293.019				
<b>Tổng tài sản</b>				<b>622.640.866.960</b>				
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	205.147.404.896	7.368.720.758	-	212.516.125.654				
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	74.534.426.191				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>287.050.551.845</b>				

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 28/05/2016 đến 31/12/2016

	Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động lắp đặt ống nước	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	138.260.072.377	42.440.731.250	2.724.283.029	183.425.086.656
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>138.260.072.377</b>	<b>42.440.731.250</b>	<b>2.724.283.029</b>	<b>183.425.086.656</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	95.144.998.887	40.569.583.501	2.291.170.965	138.005.753.353
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.115.073.490	1.871.147.749	433.112.064	45.419.333.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				45.419.333.303
Doanh thu hoạt động tài chính				1.306.966.427
Lợi nhuận khác				586.244.724
Chi phí tài chính				4.452.774.139
Chi phí bán hàng				14.998.638.169
Chi phí quản lý doanh nghiệp				20.815.875.933
Lợi nhuận trước thuế				7.045.256.213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.409.051.243
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>5.636.204.970</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty đều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	235.621.275.690	138.825.681.077
Doanh thu hoạt động xây dựng	67.163.711.169	42.440.731.250
Doanh thu khác	2.487.807.727	2.724.283.029
<b>Cộng</b>	<b>305.272.794.586</b>	<b>183.990.695.356</b>

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	161.534.539.145	95.144.998.887
Giá vốn hoạt động xây dựng	63.385.087.175	40.569.583.501
Giá vốn của hoạt động khác	2.623.707.640	2.291.170.965
<b>Cộng</b>	<b>227.543.333.960</b>	<b>138.005.753.353</b>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.765.462.553	1.306.966.427
<b>Cộng</b>	<b>2.765.462.553</b>	<b>1.306.966.427</b>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.459.455.110	4.452.774.139
<b>Cộng</b>	<b>10.459.455.110</b>	<b>4.452.774.139</b>

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Các khoản thu nhập khác	1.437.932.918	607.990.890
<b>Cộng</b>	<b>1.437.932.918</b>	<b>607.990.890</b>

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhận kế toán trước thuế	16.999.031.268	7.045.256.213
Thu nhập chịu thuế	16.999.031.268	7.045.256.213
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	3.399.806.253	1.409.051.243
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.399.806.253</b>	<b>1.409.051.243</b>



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>13.599.225.015</b>	<b>5.636.204.970</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.039.883.752	281.810.249
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>11.559.341.263</b>	<b>5.354.394.722</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.135.846	31.827.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>360</b>	<b>168</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	77.700.455.895	52.761.113.773
Chi phí nhân công	96.530.923.420	54.251.678.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.069.020.042	28.147.994.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.435.444.381	22.886.634.281
Chi phí khác bằng tiền	12.845.800.579	16.431.460.996
<b>Cộng</b>	<b>277.581.644.317</b>	<b>174.478.881.878</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lương	3.178.778.900	1.248.921.228
<b>Cộng</b>	<b>3.178.778.900</b>	<b>1.248.921.228</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được phân loại lại như sau:

Số liệu các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được phân loại như sau:

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>323.755.796.970</b>	<b>323.755.796.970</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>146.141.430.956</b>	<b>158.665.172.852</b>
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	-	12.523.741.896
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>177.614.366.014</b>	<b>165.090.624.118</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	190.138.107.910	177.614.366.014

Số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh được phân loại lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	183.990.695.356	183.429.516.556
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.986.265.456	183.425.086.656
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.980.512.103	45.419.333.303
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.020.190.289	6.459.011.489
11 Thu nhập khác	31	VI.5	46.812.090	607.990.890
13 Lợi nhuận khác	40		25.065.924	586.244.724

Đặng Thị Tiệp  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Nga  
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Nam  
Tổng Giám đốc



**IX- Những thông tin khác.**

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:.....
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:.....
- 3- Thông tin về các bên liên quan:.....
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận ( theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận” (2):.....
- 5- Thông tin so sánh ( những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):..
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:.....
- 7- Những thông tin khác.(3)

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

*Ngày 18 tháng 4 năm 2018*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Huy Nam*